

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ - VIỄN THÔNG ELCOM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

CHO KỲ KẾ TOÁN TỪ NGÀY 01/01/2024 ĐẾN NGÀY 30/06/2024

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	11 - 52

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng Ban
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Ngô Ngọc Hà	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Đậu Thị Lý.

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phạm Minh Thắng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2024

Số: 859 /2024/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Về Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21 tháng 08 năm 2024, từ trang 06 đến trang 52 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày 30/06/2024, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại thuyết minh số 9 trong Bản thuyết minh Báo cáo tài chính kèm theo. Công ty Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đang hợp tác với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh để thực hiện “Dự án xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 (nay là ô đất H1/ODK2)” thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội”. Dự án đầu tư này đang trong quá trình đề nghị các cơ quan ban ngành chấp thuận chủ trương, phương án.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023 đã được soát xét bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác. Kiểm toán viên này đã đưa ra kết luận chấp nhận toàn phần đối với báo cáo soát xét đề ngày 21/08/2023.



Nguyễn Minh Long

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0666-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30/06/2024

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		844.794.108.467	1.097.908.049.619
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	116.821.718.687	169.306.868.542
Tiền	111		79.821.718.687	68.306.868.542
Các khoản tương đương tiền	112		37.000.000.000	101.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	49.560.000.000	54.310.262.487
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		49.560.000.000	54.310.262.487
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		576.489.309.264	773.534.951.668
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	486.066.180.350	741.200.456.107
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	49.765.493.725	24.733.438.805
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	16.000.000.000	6.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	93.706.186.566	70.194.678.518
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(69.048.551.377)	(68.593.621.762)
Hàng tồn kho	140	11	99.734.018.184	99.692.109.923
Hàng tồn kho	141		99.734.018.184	99.692.109.923
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.189.062.332	1.063.856.999
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13	379.804.816	291.885.008
Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.809.257.516	771.971.991
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		382.822.504.929	391.752.869.194
Các khoản phải thu dài hạn	210		62.147.265.957	59.534.265.957
Trả trước cho người bán dài hạn	212	7	13.000.000.000	13.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215	8	5.500.000.000	2.900.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	9	43.647.265.957	43.634.265.957
Tài sản cố định	220		35.620.089.289	33.764.978.865
Tài sản cố định hữu hình	221	14	25.668.050.251	25.920.495.446
- Nguyên giá	222		117.547.243.165	115.121.491.566
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(91.879.192.914)	(89.200.996.120)
Tài sản cố định vô hình	227	15	9.952.039.038	7.844.483.419
- Nguyên giá	228		20.119.641.208	17.452.188.389
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.167.602.170)	(9.607.704.970)
Bất động sản đầu tư	230	16	5.568.361.635	5.568.361.635
- Nguyên giá	231		6.744.124.331	6.744.124.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(1.175.762.696)	(1.175.762.696)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	246.601.885	246.601.885
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		246.601.885	246.601.885
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	275.153.777.288	286.309.336.815
Đầu tư vào công ty con	251		200.407.125.000	200.407.125.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		26.978.603.966	26.978.603.966
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		69.183.000.000	81.459.133.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(21.414.951.678)	(22.535.525.151)
Tài sản dài hạn khác	260		4.086.408.875	6.329.324.037
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	4.086.408.875	6.329.324.037
TỔNG TÀI SẢN	270		1.227.616.613.396	1.489.660.918.813

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2024

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		319.592.057.149	594.065.008.494
Nợ ngắn hạn	310		302.989.444.696	576.694.713.801
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	128.199.429.020	476.708.216.168
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	24.585.119.300	17.778.912.380
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	1.586.836.491	17.220.002.661
Phải trả người lao động	314		3.998.659.511	6.620.892.627
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	21	1.760.279.068	707.345.703
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	22	1.750.006.262	5.392.794.298
Phải trả ngắn hạn khác	319	23	4.361.672.119	4.407.777.052
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	130.640.533.819	42.456.036.515
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	24	2.202.259.706	2.295.434.584
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.904.649.400	3.107.301.813
Nợ dài hạn	330		16.602.612.453	17.370.294.693
Phải trả dài hạn khác	337	23	9.437.809.700	9.437.809.700
Dự phòng phải trả dài hạn	342	24	7.164.802.753	7.932.484.993
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		908.024.556.247	895.595.910.319
Vốn chủ sở hữu	410	25	908.024.556.247	895.595.910.319
Vốn góp của chủ sở hữu	411		832.900.770.000	822.900.770.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		832.900.770.000	822.900.770.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		10.410.255.576	10.410.255.576
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		5.200.000.000	5.200.000.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		59.513.530.671	57.084.884.743
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		53.584.884.743	31.427.104.962
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.928.645.928	25.657.779.781
TỔNG NGUỒN VỐN	440		1.227.616.613.396	1.489.660.918.813

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu


Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng


Đặng Thị Lý

Tổng Giám đốc




Phạm Minh Thắng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	228.424.076.104	106.039.908.555
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		228.424.076.104	106.039.908.555
Giá vốn hàng bán	11	28	183.135.943.277	67.732.425.632
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		45.288.132.827	38.307.482.923
Doanh thu hoạt động tài chính	21	29	17.371.353.058	14.183.664.735
Chi phí tài chính	22	30	9.262.411.007	1.138.430.304
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.064.833.663	1.109.784.583
Chi phí bán hàng	25	33	14.945.054.143	16.246.511.217
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33	26.020.269.444	27.983.725.333
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		12.431.751.291	7.122.480.804
Thu nhập khác	31	31	92.346.214	16.055.773
Chi phí khác	32	32	5.169.574.447	124.644.001
Lợi nhuận khác	40		(5.077.228.233)	(108.588.228)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.354.523.058	7.013.892.576
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	35	1.425.877.130	1.510.029.588
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.928.645.928	5.503.862.988

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu


Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng


Đậu Thị Lý

Tổng Giám đốc


Phạm Minh Thắng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
		đến 30/06/2024 VND	đến 30/06/2023 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế	1	7.354.523.058	7.013.892.576
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.622.442.578	1.845.689.846
Các khoản dự phòng	03	(1.526.500.976)	(4.724.353.261)
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.443.099.341	(140.273.307)
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(17.063.788.226)	(9.105.041.343)
Chi phí lãi vay	06	1.064.833.663	1.109.784.583
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(3.105.390.562)	(4.000.300.906)
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	216.672.869.205	(27.663.563.926)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(3.300.136.080)	(104.406.884.857)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(361.016.158.480)	88.530.346.755
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	2.154.995.354	522.890.369
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.011.008.115)	(792.970.117)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(6.745.225.200)	(2.028.642.615)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.702.652.413)	(3.220.723.522)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(159.052.706.291)	(53.059.848.819)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(2.375.365.690)	(34.354.545)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	239.800.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(29.356.500.000)	(62.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	5.196.500.000	68.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(8.458.800.000)	(10.500.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	31.812.360.000	-
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.322.577.439	7.600.889.263
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.380.571.749	3.066.534.718

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 30/06/2024	đến 30/06/2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		10.000.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		141.770.089.517	95.555.902.745
Tiền trả nợ gốc vay	34		(53.585.592.213)	(40.251.200.000)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		98.184.497.304	55.304.702.745
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(52.487.637.238)	5.311.388.644
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4	169.306.868.542	59.547.830.416
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		2.487.383	(1.850.237)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	4	116.821.718.687	64.857.368.823

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu


Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng


Đâu Thị Lý



Phạm Minh Thắng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 18 tháng 07 năm 2003 và các Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 31 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 15/05/2024.

Trụ sở chính của Công ty tại: Toà nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ theo đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 31 ngày 15/05/2024 của Công ty là: 832.900.770.000 (Tám trăm ba mươi hai tỷ, chín trăm triệu, bảy trăm bảy mươi nghìn đồng chẵn.), tương đương 83.290.077 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Cổ phiếu của Công ty có mã giao dịch là ELC và được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30/06/2024 là 225 người (tại ngày 31/12/2023 là 207 người).

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 bao gồm:

- Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản;
- Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY

Công ty có các công ty con, công ty liên kết và đơn vị hạch toán phụ thuộc như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)

Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp:

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.	100%	100%
Công ty CP Datanova Việt Nam (Tên cũ: Công ty CP Elcom Plus)	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng	93%	93%
Công ty CP Elcom Prime	Tầng 6, tòa nhà Fimexco, 231-233 Lê Thánh Tôn P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử	70%	70%
Công ty CP Tập đoàn thương mại Hà Nội	Tầng 6, Số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử phần mềm, Bất động sản	68,68%	68,68%
Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	Số 18 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng	50,5%	50,5%

Danh sách các công ty con kiểm soát gián tiếp:

Tên công ty con gián tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty CP Datanova Việt Nam)	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội	Xuất bản phần mềm	74,4%	74,4%

Danh sách các công ty liên doanh, liên kết:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Khai thác quặng kim loại	42,97%	42,97%
Công ty CP Công nghệ VFT	Đường 72, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP. Hà Nội	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm	34%	34%

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.5 CẤU TRÚC CÔNG TY (TIẾP)

Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	TP. Hồ Chí Minh	Lắp đặt dịch vụ Viễn thông
Văn phòng đại diện Đà Nẵng	TP. Đà Nẵng	Đại diện Công ty giao dịch với khách hàng

1.6 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 đã được soát xét.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính, các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này:

3.1 CƠ SỞ, MỤC ĐÍCH LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 NGOẠI TỆ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và có kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Đầu tư vào Công ty con

Khoản đầu tư được trình bày là khoản đầu tư vào Công ty Con khi Công ty nắm quyền kiểm soát đơn vị được đầu tư. Kiểm soát là quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của một doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp hoặc hoạt động kinh doanh đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính giữa niên độ khi các khoản đầu tư có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU (TIẾP)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

3.7 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Tại ngày 30/06/2024, Công ty không có hàng tồn kho cần trích lập dự phòng giảm giá.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH (TIẾP)

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	25
- Máy móc, thiết bị	03 - 08
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

3.9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chi tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 5 - 8 năm.

3.10 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Nguyên giá

Là bất động sản là nhà cửa vật kiến trúc nắm giữ nhằm mục đích chờ tăng giá mà không phải để:

- Sử dụng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa, dịch vụ hoặc sử dụng cho các mục đích quản lý; hoặc
- Bán trong kỳ hoạt động kinh doanh thông thường.

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ (TIẾP)

Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá. Trường hợp có bằng chứng chắc chắn cho thấy bất động sản đầu tư bị giảm giá so với giá trị thị trường và khoản giảm giá được xác định một cách đáng tin cậy thì Công ty đánh giá giảm nguyên giá bất động sản đầu tư và ghi nhận khoản tổn thất vào giá vốn hàng bán.

3.11 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí dự án Từ Liêm. Đây là chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Thời gian thực hiện đến 31/12/2028.

3.12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả trước khác.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 tháng.

Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và các khoản chi phí trả trước khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thực tế phát sinh.

3.13 NỢ PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác);
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả. Nợ phải trả có gốc ngoại tệ được Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Quân Đội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ.

3.15 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

3.16 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng phải trả của Công ty phản ánh các khoản Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa.

Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa bằng 5% trên giá trị hợp đồng quy định điều kiện bắt buộc bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc liên quan đến các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Tăng, giảm số dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước: Số tiền khách hàng trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản. Công ty ghi nhận theo nghĩa vụ mà Công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai.

Phương pháp phân bổ doanh thu chưa thực hiện: Phân bổ đều trong năm theo thời hạn quy định trên hợp đồng thuê tài sản.

3.18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông được cơ quan quản lý có thẩm quyền chấp thuận.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ đi các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và được Ủy ban chứng khoán chấp thuận.

3.19 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.19 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);

- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi theo số lượng cổ phiếu tăng thêm, không được ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

3.20 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.21 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế giá trị gia tăng (VAT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.22 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, giao dịch và số dư của các bên liên quan trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Tiền mặt	1.601.072.778	1.189.909.589
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	78.220.645.909	67.116.958.953
- Các khoản tương đương tiền (*)	37.000.000.000	101.000.000.000
Cộng	116.821.718.687	169.306.868.542

(*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng với lãi suất từ 2,6%/năm đến 3,1%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

5.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	49.560.000.000	49.560.000.000	54.310.262.487	54.310.262.487
- Tiền gửi có kỳ hạn	49.560.000.000	49.560.000.000	54.310.262.487	54.310.262.487
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	39.560.000.000	39.560.000.000	39.000.000.000	39.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Quân đội - chi nhánh Thăng Long	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam	-	-	5.310.262.487	5.310.262.487
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	49.560.000.000	49.560.000.000	54.310.262.487	54.310.262.487

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng với lãi suất từ 3,4%/năm đến 5,35%/năm.

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào công ty con	200.407.125.000	(16.591.725.182)	(*)	200.407.125.000	(16.754.270.756)	(*)
+ Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	136.326.000.000	-	(*)	136.326.000.000	-	(*)
+ Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	30.000.000.000	(16.591.725.182)	(*)	30.000.000.000	(16.754.270.756)	(*)
+ Công ty CP Datanova Việt Nam	13.681.125.000	-	(*)	13.681.125.000	-	(*)
+ Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	13.400.000.000	-	(*)	13.400.000.000	-	(*)
+ Công ty CP Elcom Prime	7.000.000.000	-	(*)	7.000.000.000	-	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
- Đầu tư vào công ty liên kết	26.978.603.966	(421.110.666)	(*)	26.978.603.966	(421.110.666)	(*)
+ Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	17.360.740.000	(421.110.666)	(*)	17.360.740.000	(421.110.666)	(*)
+ Công ty CP Công nghệ VFT	9.617.863.966	-	(*)	9.617.863.966	-	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác	69.183.000.000	(4.402.115.830)	(*)	81.459.133.000	(5.360.143.729)	(*)
+ Công ty CP Phát triển Đông Dương Xanh	28.590.000.000	(2.046.855.088)	(*)	28.590.000.000	(2.046.855.088)	(*)
+ Công ty CP Trung Văn	26.985.200.000	(912.247.568)	(*)	26.985.200.000	(912.247.568)	(*)
+ Công ty Cổ phần Quản lý Năng lượng Thông Minh	8.458.800.000	-	-	-	-	-
+ Công ty CP 1SK	4.674.000.000	(1.083.013.174)	(*)	4.674.000.000	(787.463.620)	(*)
+ Công ty CP Tin học Viễn thông Petrolimex	115.000.000	-	(*)	115.000.000	-	(*)
+ Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh	360.000.000	(360.000.000)	(*)	360.000.000	(360.000.000)	(*)
+ Công ty CP tư vấn HT Viễn thông	-	-	(*)	6.000.000.000	-	(*)
+ Công ty CP Atani Holdings	-	-	(*)	14.734.933.000	(1.253.577.453)	(*)
Cộng	296.568.728.966	(21.414.951.678)	(*)	308.844.861.966	(22.535.525.151)	(*)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

Chi tiết hoạt động của công ty con, công ty liên kết trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024:

Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động sản xuất kinh doanh chính
Công ty con				
Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.
Công ty CP Datanova Việt Nam (Tên cũ: Công ty CP Elcom Plus)	93%	93%	Tầng 5, tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, Hà Nội	Cung cấp dịch vụ giá trị gia tăng.
Công ty CP Elcom Prime	70%	70%	Tầng 6, tòa nhà Fimexco, 231-233 Lê Thánh Tôn P. Bến Thành, Q.1, TP.HCM	Xuất bản phần mềm, sản xuất linh kiện điện tử
Công ty CP đầu tư Smartek (là công ty con của Công ty CP Datanova Việt Nam)	74,4%	74,4%	Tầng 04, TT Ươm tạo & Đào tạo công nghệ cao, Khu CNC Hòa Lạc, xã Thạch Hòa, huyện Thạch Thất, TP. Hà Nội	Xuất bản phần mềm
Công ty CP Tập đoàn thương mại Hà Nội	68,68%	68,68%	Tầng 6, Số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Sản xuất kinh doanh linh kiện điện tử phần mềm, Bất động sản
Công ty CP Máy tính và Truyền thông Việt Nam	50,5%	50,5%	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP. Hà Nội	Sản xuất kinh doanh phần mềm máy tính, dịch vụ cho thuê văn phòng
Công ty liên kết				
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	42,97%	42,97%	Số 91, đường Trần Hưng Đạo, tổ 1A, phường Đức Xuân, TP. Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn	Khai thác quặng kim loại
Công ty Cổ phần Công nghệ VFT	34%	34%	Đường 72, phường Dương Nội, quận Hà Đông, TP. Hà Nội	Sản xuất, bán các hệ thống viễn thông và phát triển phần mềm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp)

Ghi chú: Tại thời điểm 30/06/2024, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	486.066.180.350	62.786.706.329	741.200.456.107	62.331.776.714
- Công ty CP đầu tư Phúc Thành Hưng	110.771.839.209	-	-	-
- Tập đoàn viễn thông Quân đội Viettel	83.035.710.713	17.846.327.583	165.889.012.218	17.846.327.583
- Công ty TNHH Thu phí tự động VETC (*)	47.632.715.176	-	53.632.715.176	-
- Công ty CP Tập Đoàn Thương mại Hà Nội	31.979.507.599	-	33.965.940.975	-
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net)	15.534.200.000	15.534.200.000	15.534.200.000	15.534.200.000
- Công ty CP N.D.C	2.200.403.791	-	56.223.631.956	-
- Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Thép Nam Phát	-	-	158.229.185.514	-
- Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Phú Hưng Long	-	-	40.002.822.644	-
- Các đối tượng khác	194.911.803.862	29.406.178.746	217.722.947.624	28.951.249.131
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	486.066.180.350	62.786.706.329	741.200.456.107	62.331.776.714

c) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 38.1

(*) Tại ngày 30/06/2024, trong tổng số dư đối với Công ty TNHH thu phí tự động VETC có 40.563.715.176 đồng đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, khoản công nợ quá hạn này đã được thỏa thuận theo Quyết định Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 83/2023/QĐST-KDTM ngày 19/09/2023 và hai bên có cam kết lộ trình thanh toán từ tháng 10/2023 đến tháng 9/2026. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, Công ty TNHH thu phí tự động VETC vẫn đang thanh toán theo đúng lộ trình cam kết.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	49.765.493.725	-	24.733.438.805	-
- ISG Technology Pte Ltd	12.534.695.077	-	38.904.365	-
- Công ty CP Đầu tư thương mại và phát triển dịch vụ Việt Nam	10.000.000.000	-	-	-
- Công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật DELTATECH	2.540.872.250	-	2.540.872.250	-
- Các đối tượng khác	24.689.926.398	-	22.153.662.190	-
b) Dài hạn	13.000.000.000	-	13.000.000.000	-
- Nguyễn Thị Lệ Thủy (1)	5.980.000.000	-	5.980.000.000	-
- Ngô Ngọc Hà (1)	2.990.000.000	-	2.990.000.000	-
- Trần Hùng Giang (1)	4.030.000.000	-	4.030.000.000	-
Cộng	62.765.493.725	-	37.733.438.805	-

c) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 38.1

(1) Đây là khoản ứng trước cho các cá nhân là chủ sở hữu của các lô đất thuộc “Dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội”. Theo biên bản thỏa thuận hợp tác số 311222/BBTT-ELCOM ngày 31/12/2022, các bên thống nhất thời gian hợp tác tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028. Sau thời gian nêu trên, nếu dự án không được triển khai vì bất kỳ lý do gì thì các bên cùng nhau thống nhất phương án để chuyển đổi mục đích dự án trên tinh thần hợp tác giữa các bên và nếu không có phương án thay thế, các cá nhân trên phải hoàn lại vô điều kiện phần tạm ứng theo biên bản thỏa thuận hợp tác đầu tư ngày 25/10/2008.

Vào ngày 09/01/2024, Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom đã có văn bản số 16/TTr về việc đề nghị UBND thành phố Hà Nội xem xét, chấp thuận đề xuất nghiên cứu thực hiện đầu tư theo hình thức tự thỏa thuận, chuyển nhượng Quyền sử dụng đất để thực hiện “Dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội” theo hình thức đầu tư trực tiếp, sử dụng 100% vốn đầu tư trong nước bao gồm vốn của Doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác để thực hiện dự án theo hình thức nhận chuyển nhượng, nhận góp vốn quyền sử dụng đất.

Ngày 12/01/2024, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản số 533/VP-TNMT gửi Sở Tài nguyên và Môi trường, theo đó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội - Tổ trưởng Tổ công tác đặc biệt của UBND thành phố đã có ý kiến chỉ đạo giao Sở Tài nguyên và Môi trường kiểm tra, hướng dẫn Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom thực hiện theo quy định. Đến thời điểm lập báo cáo này, các kiến nghị của Công ty vẫn đang được xem xét.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	16.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Công ty CP Tấn Phát (1)	6.000.000.000	-	6.000.000.000	-
- Bà Nguyễn Thị Kim Cúc (2)	10.000.000.000	-	-	-
b) Dài hạn	5.500.000.000	-	2.900.000.000	-
- Bà Hoàng Diệu Linh (3)	5.500.000.000	-	2.900.000.000	-
Cộng	21.500.000.000	-	8.900.000.000	-

(1) Theo hợp đồng cho vay vốn số 01/2022/VAYVON ngày 10/06/2022 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP Tấn Phát. Thời gian cho vay tối đa 2 năm và phụ lục vay số 01 ngày 10/06/2024 gia hạn thêm thời hạn vay từ 11/06/2024 đến 31/12/2024, lãi suất cho vay cố định 5.5%/năm. Khoản vay không có tài sản bảo đảm.

(2) Theo hợp đồng vay vốn số 04/2024-ELC ngày 10 tháng 4 năm 2024 giữa Công CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và bà Nguyễn Thị Kim Cúc. Thời hạn cho vay là 6 tháng, lãi cho vay cố định là 6%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(3) Theo hợp đồng vay vốn số 03/2024-ELC-LINH ngày 11 tháng 1 năm 2024 giữa Công CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và bà Hoàng Diệu Linh. Thời hạn cho vay là 2 năm, lãi cho vay cố định là 7%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	93.706.186.566	6.261.845.048	70.194.678.518	6.261.845.048
- Tạm ứng	8.578.518.926	-	6.961.821.170	-
- Ký cược, ký quỹ	56.002.000.787	-	28.798.206.471	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	1.374.156.981	-	4.547.134.058	-
- Phải thu khác	27.751.509.872	6.261.845.048	29.887.516.819	6.261.845.048
+ Ông Lại Hữu Thanh (1)	8.500.000.000	-	9.500.000.000	-
+ Ông Hà Quốc Vương (1)	7.943.400.000	-	8.826.000.000	-
+ Nguyễn Phương Hải (CMT 011486928 ngày 11/08/2009)	1.005.750.000	1.005.750.000	1.005.750.000	1.005.750.000
+ Công ty CP CN Vật liệu mới Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279	3.539.885.279	3.539.885.279
+ Công ty CP CN vật liệu mới (ELCOM Industry)	1.716.209.769	1.716.209.769	1.716.209.769	1.716.209.769
+ Công ty CP đầu tư thương mại Bắc Hà	-	-	4.000.000.000	-
+ Các đối tượng khác	5.046.264.824	-	1.299.671.771	-
b) Dài hạn	43.647.265.957	-	43.634.265.957	-
- Dự án Trần Phú - Công ty CP Đầu tư & Phát triển Thăng Long Xanh (2)	37.771.500.000	-	37.771.500.000	-
- Công ty CP Đầu tư Bất động sản Thanh Trì (3)	5.862.765.957	-	5.862.765.957	-
- Ký cược, ký quỹ	13.000.000	-	-	-
Cộng	137.353.452.523	6.261.845.048	113.828.944.475	6.261.845.048

c) Phải thu của khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 38.1

(1) Là khoản phải thu phát sinh từ việc thoái vốn Công ty Cổ phần 1SK.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. PHẢI THU KHÁC (TIẾP)

(2) Đây là khoản góp vốn hợp tác đầu tư để thực hiện “Dự án xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư tại ô đất C13/DD2 (nay là ô đất H1/ODK2)” thuộc phường Trần Phú quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ngày 20/06/2011 ký với Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh. Theo biên bản thỏa thuận số 301222/BBTT/ELCOM-TLX ngày 30/12/2022 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh, thời gian hợp tác đầu tư tiếp tục từ ngày 31/12/2022 đến ngày 31/12/2028.

Vào ngày 09/01/2024, liên danh Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh đã có văn bản số 13/TTr về việc đề nghị UBND thành phố Hà Nội cho phép nhà đầu tư được điều chỉnh mục tiêu “xã hội hóa đầu tư xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư” sang mục tiêu “đầu tư xây dựng nhà ở xã hội” tại ô đất H1/ODK2, phường Trần Phú, quận Hoàng Mai theo hình thức nhận chuyển nhượng, nhận vốn góp bằng tiền sử dụng đất, mua tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở càng gia tăng của người dân.

Ngày 16/01/2024, Văn phòng Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội đã có văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư, theo đó Chủ tịch UBND thành phố Hà Nội - Tổ trưởng Tổ công tác đặc biệt của UBND thành phố đã có ý kiến chỉ đạo giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì phối hợp với các Sở, ngành Thành phố có liên quan kiểm tra, rà soát, xem xét nội dung đề xuất, kiến nghị của liên danh Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom - Công ty CP Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh. Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom nhận định rằng dự án có khả năng triển khai thực hiện, đồng thời khoản hợp tác đầu tư không bị tổn thất. Năm 2023, Công ty đã thực hiện điều chỉnh khoản góp vốn này sang khoản mục phải thu dài hạn khác (trình bày tại thuyết minh số 9. Phải thu khác) cho phù hợp hơn về bản chất.

(3) Đây là khoản hợp tác đầu tư số 01/2014/HTĐT/ELCOM-BĐSTHANH LIET ngày 11/12/2014 giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì để thực hiện “Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội” giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

Theo nghị quyết số 01-12/2022/BB-HĐQT của Hội đồng Quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom ngày 21/12/2022, Hội đồng quản trị Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom thông qua thoái 100% vốn góp của Công ty tại “Dự án Tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và chức năng khác tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội” giữa Công ty CP Công nghệ - Viễn thông Elcom và Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Thanh Trì.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

10. NỢ XẤU

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND
Các khoản phải thu quá hạn thanh toán						
- Công ty CP Thủy sản N.G Việt Nam	12.943.377.077	-	12.943.377.077	12.943.377.077	-	12.943.377.077
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng (VNPT-Net)	15.534.200.000	-	15.534.200.000	15.534.200.000	-	15.534.200.000
- Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	4.137.656.058	-	4.137.656.058	4.137.656.058	-	4.137.656.058
- Công ty CP Công nghệ Vật liệu mới	4.111.247.702		4.111.247.702	4.111.247.702		4.111.247.702
- Tập đoàn Viễn thông Quân đội Viettel - HĐ02/2012: hệ thống thiết bị quản lý băng thông PCRF	17.846.327.583	-	17.846.327.583	17.846.327.583	-	17.846.327.583
- Các đối tượng khác	15.670.376.865	1.194.633.908	14.475.742.957	14.020.813.342	-	14.020.813.342
Cộng	70.243.185.285	1.194.633.908	69.048.551.377	68.593.621.762	-	68.593.621.762

11. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	59.422.309.488	-	36.025.336.386	-
Thành phẩm	4.162.865.785	-	4.162.865.785	-
Hàng hóa	36.148.842.911	-	59.503.907.752	-
Cộng	99.734.018.184	-	99.692.109.923	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

12. TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	246.601.885	246.601.885
- Dự án Phúc Diễn (*)	246.601.885	246.601.885
Cộng	246.601.885	246.601.885

(*) Đây là chi phí xây dựng thực hiện “Dự án xây dựng khu dịch vụ cửa hàng giới thiệu sản phẩm và siêu thị tại phường Phúc Diễn, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội”. Chi tiết thông tin dự án xem tại thuyết minh số 7.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>30/06/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	379.804.816	291.885.008
- Chi phí bảo hiểm, chi phí thuê kho và chi phí khác	379.804.816	291.885.008
b) Dài hạn	4.086.408.875	6.329.324.037
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.718.930.034	4.234.359.021
- Các khoản khác	1.367.478.841	2.094.965.016
Cộng	4.466.213.691	6.621.209.045

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị <u>VND</u>	Phương tiện vận tải, truyền dẫn <u>VND</u>	Thiết bị dụng cụ quản lý <u>VND</u>	TSCĐ HH khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ					
01/01/2024	66.739.686.839	15.160.105.799	29.636.248.851	3.585.450.077	115.121.491.566
- Mua trong kỳ	-	2.221.421.818	805.918.872	-	3.027.340.690
- Thanh lý, nhượng bán	-	(601.589.091)	-	-	(601.589.091)
30/06/2024	<u>66.739.686.839</u>	<u>16.779.938.526</u>	<u>30.442.167.723</u>	<u>3.585.450.077</u>	<u>117.547.243.165</u>
HAO MÒN LŨY KẾ					
01/01/2024	(66.739.686.839)	(6.172.781.328)	(13.641.839.821)	(2.646.688.132)	(89.200.996.120)
- Khấu hao trong kỳ	-	(1.053.832.768)	(1.860.487.038)	(148.225.572)	(3.062.545.378)
- Thanh lý, nhượng bán	-	384.348.584	-	-	384.348.584
30/06/2024	<u>(66.739.686.839)</u>	<u>(6.842.265.512)</u>	<u>(15.502.326.859)</u>	<u>(2.794.913.704)</u>	<u>(91.879.192.914)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2024	-	8.987.324.471	15.994.409.030	938.761.945	25.920.495.446
30/06/2024	-	9.937.673.014	14.939.840.864	790.536.373	25.668.050.251

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 84.417.770.978 VND, tại ngày 01/01/2024 là 85.103.901.936 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	17.452.188.389	17.452.188.389
- Mua trong kỳ	2.667.452.819	2.667.452.819
30/06/2024	<u>20.119.641.208</u>	<u>20.119.641.208</u>
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2024	(9.607.704.970)	(9.607.704.970)
- Khấu hao trong kỳ	(559.897.200)	(559.897.200)
30/06/2024	<u>(10.167.602.170)</u>	<u>(10.167.602.170)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	<u>7.844.483.419</u>	<u>7.844.483.419</u>
30/06/2024	<u>9.952.039.038</u>	<u>9.952.039.038</u>

- Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2024 là 9.344.499.881 VND, tại ngày 01/01/2024 là 9.344.499.881 VND.

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Nhà cửa vật kiến trúc <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá		
NGUYÊN GIÁ		
01/01/2024	6.744.124.331	6.744.124.331
30/06/2024	<u>6.744.124.331</u>	<u>6.744.124.331</u>
HAO MÒN LŨY KẾ		
01/01/2024	(1.175.762.696)	(1.175.762.696)
30/06/2024	<u>(1.175.762.696)</u>	<u>(1.175.762.696)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
01/01/2024	<u>5.568.361.635</u>	<u>5.568.361.635</u>
30/06/2024	<u>5.568.361.635</u>	<u>5.568.361.635</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	128.199.429.020	128.199.429.020	476.708.216.168	476.708.216.168
- Ciena Communications Inc	43.155.216.683	43.155.216.683	180.456.183.108	180.456.183.108
- TWS International Trading Pte Ltd	36.202.227.600	36.202.227.600	34.734.128.000	34.734.128.000
- Công ty TNHH Kết cấu thép 568	-	-	70.238.790.846	70.238.790.846
- Công ty CP Thép Kỳ Nam	-	-	32.988.973.233	32.988.973.233
- Công ty TNHH BST	-	-	33.198.509.703	33.198.509.703
- Các đối tượng khác	48.841.984.737	48.841.984.737	125.091.631.278	125.091.631.278
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	128.199.429.020	128.199.429.020	476.708.216.168	476.708.216.168

c) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 38.1

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn	24.585.119.300	24.585.119.300	17.778.912.380	17.778.912.380
- BQLDA ĐTXD các CTGT tỉnh Yên Bái	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Sở Giao Thông Vận Tải Tỉnh Bình Dương	4.999.683.200	4.999.683.200	-	-
- Ban QLDA Đầu tư Xây dựng tỉnh Hà Nam	3.689.319.000	3.689.319.000	3.689.319.000	3.689.319.000
- Công Ty TNHH BOT Phước An	3.494.300.100	3.494.300.100	-	-
- Công ty CP Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000	2.600.000.000
- Công ty CP Mopha	2.320.725.000	2.320.725.000	2.320.725.000	2.320.725.000
- Các đối tượng khác	1.481.092.000	1.481.092.000	3.168.868.380	3.168.868.380
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	24.585.119.300	24.585.119.300	17.778.912.380	17.778.912.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2024	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	9.099.739.713	3.329.152.502	12.428.892.215	-
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	5.484.681.654	5.484.681.654	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	2.107.291.239	2.107.291.239	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.644.592.348	1.425.877.130	6.745.225.200	1.325.244.278
- Thuế thu nhập cá nhân	122.160.057	1.451.965.953	1.447.681.566	126.444.444
- Thuế nhà thầu	1.240.449.946	490.983.430	1.709.346.204	22.087.172
- Các loại thuế khác	-	6.000.000	6.000.000	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	113.060.597	-	-	113.060.597
	17.220.002.661	14.295.951.908	29.929.118.078	1.586.836.491

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

Nội dung	30/06/2024		Trong kỳ		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	130.640.533.819	130.640.533.819	141.770.089.517	53.585.592.213	42.456.036.515	42.456.036.515
- Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thăng Long (1)	121.081.428.258	121.081.428.258	126.644.904.556	48.019.512.813	42.456.036.515	42.456.036.515
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành (2)	9.559.105.561	9.559.105.561	15.125.184.961	5.566.079.400	-	-
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	130.640.533.819	130.640.533.819	141.770.089.517	53.585.592.213	42.456.036.515	42.456.036.515

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (TIẾP)

(1) Hợp đồng vay số 223187.24.054.27172.TD ngày 28/06/2024 giữa Ngân hàng TMCP Quân Đội - chi nhánh Thăng Long và Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom. Hạn mức cấp tín dụng: 600.000.000.000 đồng trong đó:

Hạn mức cho vay: 200.000.000.000 đồng;

Hạn mức bảo lãnh thanh toán: 50.000.000.000 đồng;

Hạn mức bảo lãnh ngoài bảo lãnh thanh toán là: 400.000.000.000 đồng;

Hạn mức bảo lãnh LC là: 100.000.000.000 đồng;

Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng từ ngày giao kết hợp đồng ngày đến ngày 15/06/2025;

Mục đích cấp tín dụng: Cấp tín dụng phục vụ hoạt động cung cấp thiết bị, phần mềm và các dịch vụ đi kèm trong lĩnh vực viễn thông, công nghệ thông tin, an ninh quốc phòng, giao thông vận tải, nông nghiệp công nghệ cao và hoạt động kinh doanh nông sản của khách hàng;

Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và thỏa thuận chung.

(2) Hợp đồng vay số 01/24/4247448/HĐTD ngày 30/1/2024 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Thành và Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông Elcom.

Hạn mức cấp tín dụng thường xuyên (bao gồm cho vay ngắn hạn, phát hành bảo lãnh, mở LC) : 60.000.000.000 đồng trong đó:

Thời gian duy trì hạn mức cấp tín dụng từ ngày giao kết hợp đồng ngày đến ngày 29/1/2025;

Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động phát hành bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động kinh doanh;

Lãi suất, phương pháp tính lãi, nguyên tắc và các yếu tố xác định lãi suất, thời điểm xác định lãi suất cho vay đối với trường hợp áp dụng lãi suất cho vay có điều chỉnh; lãi suất áp dụng đối với dư nợ gốc bị quá hạn; lãi suất áp dụng đối với lãi chậm trả: chi tiết tại từng lần giải ngân, nhận nợ và thỏa thuận chung.

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.760.279.068	707.345.703
- Trích trước chi phí thực hiện dự án	1.595.783.900	527.345.703
- Các khoản trích trước khác	164.495.168	180.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.760.279.068	707.345.703

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

22. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.750.006.262	5.392.794.298
- Doanh thu nhận trước cho thuê văn phòng	1.750.006.262	1.782.794.298
- Các khoản khác	-	3.610.000.000
b) Dài hạn	-	-
Cộng	1.750.006.262	5.392.794.298

23. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.361.672.119	4.407.777.052
- Kinh phí công đoàn	1.837.446.162	1.813.147.322
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	823.764.713	823.764.713
- Phải trả cổ tức	730.339.858	730.339.858
- Phải trả hàng mang đi bảo hành	415.455.414	498.707.490
- Phải trả khác	554.665.972	541.817.669
b) Dài hạn	9.437.809.700	9.437.809.700
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2.507.289.700	2.507.289.700
- Phải trả hợp tác kinh doanh (*)	6.930.520.000	6.930.520.000
Cộng	13.799.481.819	13.845.586.752

(*) Là khoản nhận góp vốn hợp tác kinh doanh của Công ty CP Công nghệ mạng Đông Đô theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2021/HĐ/ELCOM-DONGDO ngày 24/03/2021 với số tiền là 6.930.520.000 VND. Mục đích của việc hợp tác đầu tư là mua phần vốn góp của Công ty CP Công nghệ VFT.

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn	2.202.259.706	2.295.434.584
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	2.202.259.706	2.295.434.584
b) Dài hạn	7.164.802.753	7.932.484.993
- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa	7.164.802.753	7.932.484.993
Cộng	9.367.062.459	10.227.919.577

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2023	587.788.430.000	85.409.783.716	41.410.255.576	5.200.000.000	151.929.661.246	871.738.130.538
- Tăng vốn trong năm trước	235.112.340.000	(85.409.783.716)	(31.000.000.000)	-	(118.702.556.284)	-
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	25.657.779.781	25.657.779.781
- Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(1.800.000.000)	(1.800.000.000)
31/12/2023	822.900.770.000	-	10.410.255.576	5.200.000.000	57.084.884.743	895.595.910.319
01/01/2024	822.900.770.000	-	10.410.255.576	5.200.000.000	57.084.884.743	895.595.910.319
- Tăng vốn trong kỳ này (1)	10.000.000.000	-	-	-	-	10.000.000.000
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	5.928.645.928	5.928.645.928
- Phân phối lợi nhuận (2)	-	-	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.500.000.000)	(3.500.000.000)
30/06/2024	832.900.770.000	-	10.410.255.576	5.200.000.000	59.513.530.671	908.024.556.247

(1) Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26/04/2023, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 02-01/2024/NQ-HĐQT ngày 18/01/2024 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động. Số lượng cổ phiếu phát hành là 1.000.000 cổ phiếu.

(2) Phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 02/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25/04/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

25.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
- Ông Phan Chiến Thắng	65.869.170.000	65.869.170.000
- Ông Trần Hùng Giang	47.992.330.000	48.113.800.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	46.986.570.000	47.460.570.000
- Cổ đông khác	672.052.700.000	661.457.230.000
Cộng	832.900.770.000	822.900.770.000

25.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	822.900.770.000	587.788.430.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	10.000.000.000	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	832.900.770.000	587.788.430.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

25.4 CỔ PHIẾU

	30/06/2024	01/01/2024
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	83.290.077	82.290.077
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	83.290.077	82.290.077
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	83.290.077	82.290.077
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	83.290.077	82.290.077
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	83.290.077	82.290.077
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/06/2024	01/01/2024
a) Ngoại tệ các loại:		
Dollar Mỹ (USD)	44.013,98	51.998,72
b) Nợ khó đòi đã xử lý:	18.433.858.421	18.433.858.421
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	18.433.858.421	18.433.858.421

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

27. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
a) Doanh thu	228.424.076.104	106.039.908.555
- Doanh thu bán thành phẩm phần mềm	27.433.616.000	21.570.000.000
- Doanh thu bán hàng hóa	179.580.809.493	70.268.536.894
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	21.409.650.611	14.201.371.661
Cộng	228.424.076.104	106.039.908.555

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số 38.1

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Giá vốn bán thành phẩm phần mềm	1.788.000.000	406.889.594
- Giá vốn bán hàng hóa	166.482.556.563	63.925.364.628
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	14.865.386.714	3.400.171.410
Cộng	183.135.943.277	67.732.425.632

29. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	3.290.900.316	5.966.158.803
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.004.000.000	3.138.882.540
- Lãi từ việc bán các khoản đầu tư	7.139.480.993	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	308.324.325	440.858.145
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	-	140.273.307
- Lãi từ hợp tác đầu tư	4.628.647.424	4.497.491.940
Cộng	17.371.353.058	14.183.664.735

30. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí lãi vay	1.064.833.663	1.109.784.583
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	5.875.051.476	28.645.721
- Lỗ chênh lệch tỷ giá đánh giá cuối kỳ	3.443.099.341	-
- Hoàn nhập giảm giá các khoản đầu tư	(1.120.573.473)	-
Cộng	9.262.411.007	1.138.430.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

31. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	759.493	-
- Các khoản khác	91.586.721	16.055.773
Cộng	92.346.214	16.055.773

32. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Phạt vi phạm hợp đồng	5.031.985.203	-
- Các khoản chi phí khác	137.589.244	124.644.001
Cộng	5.169.574.447	124.644.001

33. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	26.020.269.444	27.983.725.333
- Chi phí nhân viên quản lý	8.222.099.076	13.774.921.270
- Chi phí công cụ, dụng cụ	2.332.139.352	1.066.646.607
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	3.185.499.840	1.306.226.128
- Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	454.929.615	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.239.400.016	9.922.212.616
- Chi phí bằng tiền khác	1.586.201.545	1.913.718.712
b) Các khoản chi phí bán hàng	14.945.054.143	16.246.511.217
- Chi phí nhân viên	11.981.103.737	14.716.437.982
- Chi phí khấu hao TSCĐ	436.942.738	539.463.718
- Hoàn nhập dự phòng bảo hành	(709.687.949)	(3.899.597.755)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.093.863.308	4.821.302.085
- Chi phí bằng tiền khác	142.832.309	68.905.187
Cộng	40.965.323.587	44.230.236.550

34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Chi phí nguyên vật liệu, CCDC, hàng hoá	18.182.593.955	89.125.326.775
- Chi phí nhân công	26.933.368.032	28.998.227.890
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.622.442.578	1.845.689.846
- Hoàn nhập dự phòng	(254.758.334)	(3.899.597.755)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	50.554.302.903	33.412.650.751
- Chi phí bằng tiền khác	5.988.849.813	5.096.780.929
Cộng	105.026.798.947	154.579.078.436

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

35. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.354.523.058	7.013.892.576
Các khoản điều chỉnh tăng	1.459.140.877	2.901.304.197
- Khấu hao TSCĐ vượt định mức	118.546.668	118.546.668
- Các khoản chi phí không hợp lệ	1.340.594.209	2.782.757.529
Các khoản điều chỉnh giảm	(2.187.442.543)	(3.138.882.540)
- Thu nhập đã tính thuế từ các khoản đầu tư	(2.004.000.000)	(3.138.882.540)
- Lãi chênh lệch tỷ giá của các khoản phải thu, ký quỹ	(183.442.543)	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	6.626.221.392	6.776.314.233
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	1.325.244.278	1.355.262.847
Điều chỉnh tăng thuế phải nộp theo doanh nghiệp tự loại hóa đơn của doanh nghiệp bỏ địa chỉ kinh doanh	100.632.852	154.766.741
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	1.425.877.130	1.510.029.588

36. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi trên cổ phiếu thì trường hợp Công ty phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ trình bày thông tin về lãi cơ bản trên cổ phiếu trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Do đó, Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận được báo cáo là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan (Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh) hoặc tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (Bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Tổng Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu, các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Theo đó, hoạt động kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Lĩnh vực bán thành phẩm phần mềm: Bán các sản phẩm phần mềm.
- Lĩnh vực bán hàng hóa: Bán các thiết bị phục vụ dự án.
- Lĩnh vực cung cấp dịch vụ: Dịch vụ cho thuê văn phòng và dịch vụ khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của một doanh nghiệp tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Các hoạt động kinh doanh ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam của Công ty chiếm tỷ trọng không đáng kể. Do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và các giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

	Thành phẩm phần mềm	Bán hàng hóa	Cung cấp dịch vụ	Cộng
01/01/2024 đến 30/06/2024				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	27.433.616.000	179.580.809.493	21.409.650.611	228.424.076.104
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.433.616.000	179.580.809.493	21.409.650.611	228.424.076.104
Chi phí bộ phận	(1.788.000.000)	(166.482.556.563)	(14.865.386.714)	(183.135.943.277)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	25.645.616.000	13.098.252.930	6.544.263.897	45.288.132.827
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(40.965.323.587)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				4.322.809.240
Doanh thu hoạt động tài chính				17.371.353.058
Chi phí tài chính				(9.262.411.007)
Thu nhập khác				92.346.214
Chi phí khác				(5.169.574.447)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.425.877.130)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				5.928.645.928
Tài sản không phân bổ				1.227.616.613.396
Nợ phải trả không phân bổ				319.592.057.149
Tổng chi phí mua TSCĐ				2.375.365.690

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN (TIẾP)

	<u>Thành phẩm phần mềm</u>	<u>Bán hàng hóa</u>	<u>Cung cấp dịch vụ</u>	<u>Cộng</u>
01/01/2023 đến 30/06/2023				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	21.570.000.000	70.268.536.894	14.201.371.661	106.039.908.555
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.570.000.000	70.268.536.894	14.201.371.661	106.039.908.555
Chi phí bộ phận	(406.889.594)	(63.925.364.628)	(3.400.171.410)	(67.732.425.632)
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	21.163.110.406	6.343.172.266	10.801.200.251	38.307.482.923
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(44.230.236.550)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				(5.922.753.627)
Doanh thu hoạt động tài chính				14.183.664.735
Chi phí tài chính				(1.138.430.304)
Thu nhập khác				16.055.773
Chi phí khác				(124.644.001)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(1.510.029.588)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				5.503.862.988
Tài sản không phân bổ				1.489.660.918.813
Nợ phải trả không phân bổ				594.065.008.494
Tổng chi phí mua TSCĐ				34.354.545

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)***38. THÔNG TIN KHÁC****38.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các bên liên quan của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024 bao gồm: Thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác. Bên liên quan bao gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
- Công ty TNHH Giải pháp phần mềm Elcom	Công ty con
- Công ty CP Datanova Việt Nam	Công ty con
- Công ty CP đầu tư Smartek	Công ty con của Công ty CP Datanova Việt Nam
- Công ty CP Elcom Prime	Công ty con
- Công ty CP Tập đoàn Thương mại Hà Nội	Công ty con
- Công ty CP máy tính truyền thông Việt Nam	Công ty con
- Công ty CP Công nghệ VFT	Công ty liên kết
- Công ty CP Antani Holdings	Cùng thành viên HĐQT
- Công ty NPT Solutions INC	Ông Phan Đức Trung - GD Công ty INC là con trai của Chủ tịch HĐQT
- Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC	Ông Ngô Trọng Hiếu TGD Công ty - em trai của Phó TGD Ngô Ngọc Hà
- Công ty CP đầu tư thương mại & phát triển Dịch vụ Việt Nam	Ông Nguyễn Văn Hòa là đại diện theo Pháp luật của Công ty CP đầu tư TM & PT Dịch vụ Việt Nam và là Phó Tổng Giám đốc của Công ty CP Công nghệ - Viễn thông ELCOM
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	Vợ Ông Phan Chiến Thắng - Chủ tịch HĐQT

Thu nhập của các thành viên chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

<u>01/01/2024 đến 30/06/2024</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Tổng thu nhập VND</u>
HĐQT và Ban Giám đốc		1.347.741.790
- Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	130.452.000
- Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	82.065.000
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	82.065.000
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	81.835.000
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT/Phó Tổng Giám đốc	204.847.930
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	60.000.000
- Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT	60.000.000
- Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	207.226.000
- Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	377.244.000
- Bà Đặng Thị Thanh Minh	Giám đốc tài chính	62.006.860
Ban Kiểm soát		340.979.000
- Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban	162.893.000
- Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	160.086.000
- Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên	18.000.000
Kế toán trưởng		241.500.000
- Bà Đậu Thị Lý	Kế toán trưởng	241.500.000
Cộng		1.930.220.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

38. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

38.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

01/01/2023 đến 30/06/2023		Tổng thu nhập VND	
	Chức vụ		
HĐQT và Ban Giám đốc		1.116.100.000	
- Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch HĐQT	158.500.000	
- Ông Nguyễn Đức Thiện	Phó Chủ tịch HĐQT	99.500.000	
- Ông Trần Hùng Giang	Thành viên HĐQT	99.500.000	
- Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên HĐQT	99.500.000	
- Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên HĐQT/ Phó Tổng Giám đốc	237.200.000	
- Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	60.000.000	
- Ông Đỗ Minh Tiến	Thành viên HĐQT	60.000.000	
- Ông Phạm Minh Thắng	Tổng Giám đốc	241.900.000	
- Ông Nguyễn Văn Hòa	Phó Tổng Giám đốc	60.000.000	
Ban Kiểm soát		353.640.000	
- Bà Ngô Kiều Anh	Trưởng ban	167.700.000	
- Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên	167.440.000	
- Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên	18.500.000	
Kế toán trưởng		260.640.000	
- Bà Đặng Thị Thanh Minh	Kế toán trưởng miễn nhiệm từ ngày 19/05/2023	227.640.000	
- Bà Đậu Thị Lý	Kế toán trưởng bổ nhiệm từ ngày 19/05/2023	33.000.000	
Cộng		1.730.380.000	
Giao dịch với các bên liên quan			
Phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động:	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	
	CP	CP	
	+ Ông Phạm Minh Thắng - Tổng Giám đốc	60.000	-
	+ Ông Nguyễn Văn Hòa - Phó Tổng Giám đốc	20.000	-
+ Bà Đậu Thị Lý - Kế toán trưởng	6.000	-	
Công ty CP Datanova Việt Nam	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023	
	VND	VND	
	- Mua hàng hóa, dịch vụ	-	2.041.250.000
	+ Giá trị hàng hóa chưa có thuế GTGT	-	2.037.500.000
	+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	-	3.750.000
	- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	-	641.250.000
	- Bán hàng hóa, dịch vụ	741.250.000	-
	+ Giá trị dịch vụ chưa có thuế GTGT	737.500.000	-
	+ Thuế GTGT hàng hóa bán ra	3.750.000	-
	- Bù trừ công nợ	-	1.400.000.000
- Công ty CP Datanova Việt Nam chia cổ tức	744.000.000	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

38. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

38.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Công ty CP máy tính & truyền thông Việt Nam	VND	VND
- Thanh toán tiền mua dịch vụ	300.000.000	-
Công ty TNHH VTS Hải Phòng	VND	VND
- Chi phí lãi vay phải trả	-	316.814.466
Công ty CP Tập đoàn TM Hà Nội	VND	VND
- Chi phí ELCOM thuê dịch vụ	6.815.080.800	6.815.080.800
+ Giá trị dịch vụ chưa có thuế GTGT	6.195.528.000	6.195.528.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	619.552.800	619.552.800
- Thanh toán tiền mua dịch vụ	200.000.000	220.000.000
- Bù trừ công nợ phải trả và phải thu	1.986.433.376	2.097.588.860
- Doanh thu từ hợp tác đầu tư Elcom được nhận	4.628.647.424	4.497.491.940
- Bù trừ công nợ phải trả và phải thu khác	4.628.647.424	4.497.491.940
Công ty CP Công nghệ VFT	VND	VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	66.021.600	66.144.980
+ Giá trị DV thuê kho chưa có thuế GTGT	60.020.000	60.131.800
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	6.001.600	6.013.180
- Thanh toán tiền mua hàng hóa, dịch vụ	66.021.600	66.144.980
Công ty CP Atani Holdings	VND	VND
- Lãi chậm thanh toán	-	16.055.400
- Nhận tiền lãi chậm thanh toán	-	39.508.060
- Thu tiền cho thuê văn phòng	-	2.100.437.591
Công ty NPT Solutions INC	VND	VND
- Giá trị hàng hóa, dịch vụ mua trong kỳ	945.375.000	-
- Thanh toán tiền hàng hóa, dịch vụ	955.500.000	-
Công ty CP Hạ tầng Viễn thông CMC	VND	VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	260.436.000	200.350.031
+ Giá trị DV thuê Server, DV cước Cloud chưa có thuế GTGT	236.760.000	182.136.392
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	23.676.000	18.213.639
- Thanh toán tiền dịch vụ	366.300.000	200.350.031

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính giữa niên độ)

38. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

38.1. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Công ty CP đầu tư thương mại & PT dịch vụ Việt Nam	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
- Mua hàng hóa, dịch vụ	106.920.000	108.900.000
+ Giá trị thuê xe ô tô chưa có thuế GTGT	99.000.000	99.000.000
+ Thuế GTGT hàng hóa mua vào	7.920.000	9.900.000
- Thanh toán tiền dịch vụ	106.920.000	108.900.000
- Đặt cọc tiền hàng	10.000.000.000	-
Số dư với các bên liên quan	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu của khách hàng	33.980.629.030	35.972.268.940
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	597.770.779	597.770.779
Công ty CP Atani Holdings	-	-
Công ty Cổ phần Thương mại Hà Nội	31.979.507.599	33.965.940.975
Công ty CP Datanova Việt Nam	1.403.350.652	1.408.557.186
Trả trước cho người bán	13.000.000.000	13.000.000.000
Ông Trần Hùng Giang	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy	5.980.000.000	5.980.000.000
Phải thu khác	3.539.885.279	3.539.885.279
Công ty CP Công nghệ VLM Bắc Kạn	3.539.885.279	3.539.885.279
Phải trả cho người bán	949.695.899	549.695.899
Công ty TNHH GP phần mềm Elcom	127.422.566	127.422.566
Công ty CP Máy tính & Truyền thông Việt Nam	122.273.333	422.273.333
Công ty CP Datanova Việt Nam	700.000.000	-

38.2. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2023 của Công ty Cổ phần Công nghệ - Viễn thông ELCOM đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 21 tháng 08 năm 2024

Người lập biểu

Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng

Đậu Thị Lý

Tổng Giám đốc



Phạm Minh Thắng